

Bản án số: 11/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 10/01/2019

V/v yêu cầu ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYỀN MỘC, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Nguyễn Thị Nga

- Ông Nguyễn Ngọc Khanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Thị Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: bà Phạm Thị Lệ Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 570/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2018 về việc: “*Yêu cầu ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 147/2018/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thu N, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh BR - VT.

Bị đơn: Ông Nguyễn Đình D, sinh năm 1977

Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh BR - VT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/11/2018, bản khai, biên bản không tiến hành hòa giải được và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Trần Thị Thu N trình bày:

Về hôn nhân: bà Trần Thị Thu N và ông Nguyễn Đình D tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1999, hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện không ai mai mối hay ép buộc. Trước khi kết hôn bà N và ông D tìm hiểu nhau khoảng một năm và được hai bên gia đình đồng ý tổ chức lễ cưới. Đến năm 2012 thì bà N và ông D mới tiến hành đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Sau khi kết hôn, bà N và ông D chung sống với nhau rất hạnh phúc, đến đầu năm 2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trầm trọng và kéo dài cho đến ngày hôm

nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng bà N và ông D đã kéo dài từ năm 2015 cho đến nay, mặc dù bà N và ông D đã cố gắng khắc phục nhưng không được.

Hiện nay bà N và ông D sống vẫn sống chung một nhà nhưng vợ chồng đã sống ly thân không còn quan hệ gì về mặt tình cảm.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng giữa bà N và ông D không còn nên bà N yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà N được ly hôn với ông D.

- Về con chung: Bà Trần Thị Thu N và ông Nguyễn Đình D có 03 con chung là Nguyễn Đình D, sinh ngày: 03/5/2001; Nguyễn Đình M, sinh ngày: 30/4/2011 và Nguyễn Ngọc Hải C, sinh ngày 20/01/2013. Con chung đang sống cùng với bà N và ông D. Bà N đồng ý giao cả ba con chung cho ông D nuôi dưỡng, ông D yêu cầu cấp dưỡng thì bà N cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Bà Trần Thị Thu N và ông Nguyễn Đình D tự thỏa thuận giải quyết nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Trần Thị Thu N và ông Nguyễn Đình D không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Tại bản khai ngày 25 tháng 12 năm 2018, bị đơn ông Nguyễn Đình D trình bày:

Ông D thống nhất với lời trình bày của bà N về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung. Bà N cho rằng năm 2015 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là không đúng. Vợ chồng ông D và bà N bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ đầu năm 2017. Đến đầu năm 2018 thì vợ chồng không còn quan hệ về mặt tình cảm mặc dù ông D và bà N vẫn sống chung một nhà.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Ngoài ra, bà N hiện nay đang có quan hệ bất chính với người đàn ông khác nên không còn quan tâm đến gia đình như trước đây, cuộc sống vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Việc này mặc dù ông D đã cố gắng khắc phục nhưng không được.

Ông D xét thấy tình cảm vợ chồng giữa ông D và bà N không còn nên bà N yêu cầu ly hôn thì ông D đồng ý ly hôn.

- Về con chung: ông D và bà N có 03 con chung Như bà N đã trình bày. Ông D có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu bà N phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: ông D và bà N không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tuy nhiên, sau khi đến Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc trình bày ý kiến tại bản khai ngày 25/12/2018 thì ông D đã có đơn xin vắng mặt tại các buổi làm việc cũng như tại phiên tòa xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- *Về trình tự, thủ tục tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thẩm phán xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng tư cách pháp lý; cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự đầy đủ, đưa vụ án ra xét xử đúng thời hạn luật định. Ông Nguyễn Đình D đã có đơn xin vắng mặt theo quy định nên chấp nhận.

- *Về nội dung:* Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về con chung, đề nghị giao cả 03 con chung cho ông D nuôi dưỡng ông D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời không xem xét đến. Về tài sản chung và nợ chung, bà N và ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bà Trần Thị Thu N và ông Nguyễn Đình D đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Nguyễn Đình D đã có đơn xin xét xử vắng mặt theo đúng quy định nên xét xử vắng mặt ông D.

[2] *Về thẩm quyền:* Xét yêu cầu của nguyên đơn, khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn nên đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, quy định tại các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về hôn nhân:* Xét thấy, bà Trần Thị Thu N và ông Nguyễn Đình D tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định. Trước khi kết hôn bà N và ông D có thời gian tìm hiểu nhau nên hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện. Về thời gian mâu thuẫn, mặc dù bà N và ông D trình bày không thống nhất, nhưng cả bà N và ông D đều thừa nhận giữa hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn không thể khắc phục được. Bà N và ông D đều xác định, nguyên nhân mâu thuẫn là hai vợ chồng bất đồng quan điểm, vợ chồng không còn tin tưởng lẫn nhau nên thường xuyên cãi vã nhau. Ngoài

ra, ông D thì cho rằng bà N hiện đang có quan hệ bất chính với người đàn ông khác mặc dù không có chứng cứ chứng minh. Việc này cả bà N và ông D đều xác định, vợ chồng đã cố gắng khắc phục nhưng không được. Hiện nay, bà N và ông D không còn quan hệ gì về mặt tình cảm, mặc dù vợ chồng vẫn sống chung một nhà.

[4] Xét thấy mâu thuẫn giữa bà N và ông D đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng thực sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt nên cần áp dụng Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N đối với ông D.

[5] *Về con chung*: Bà N và ông D có 03 con chung là Nguyễn Đình D, sinh ngày: 03/5/2001; Nguyễn Đình M, sinh ngày: 30/4/2011 và Nguyễn Ngọc Hải C, sinh ngày 20/01/2013. Ông D có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu bà N phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, bà N đồng ý giao cả 03 con chung cho ông D nuôi dưỡng và qua làm việc với cháu D và cháu M thì cả hai đều có nguyện vọng ở với ông D. Nên giao cả 03 con chung cho ông D nuôi dưỡng là phù hợp và đảm bảo sự phát triển toàn diện của con theo quy định của pháp luật.

Về yêu cầu cấp dưỡng, ông D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời bà N không phải cấp dưỡng nuôi con.

[6] *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà N và ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] *Về án phí*: Bà N phải chịu án phí hôn nhân gia đình không có giá ngạch theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thu N, bà Trần Thị Thu N được ly hôn với ông Nguyễn Đình D.

2. *Về con chung*: Ông Nguyễn Đình D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung là Nguyễn Đình D, sinh ngày: 03/5/2001; Nguyễn Đình M, sinh ngày:

30/4/2011 và Nguyễn Ngọc Hải C, sinh ngày 20/01/2013. Ông D tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, tạm thời bà N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên; người không trực tiếp nuôi dưỡng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc chăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha hoặc mẹ hoặc của cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà Trần Thị Thu N và ông Nguyễn Đình D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. *Về án phí:* Bà Trần Thị Thu N phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004737 ngày 03/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc, bà N đã nộp đủ án phí.

Trong hạn 15 ngày, nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo bản án kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc;
- Chi cục Thi hành án dân sự H.Xuyên Mộc;
- Dương sự;
- Lưu Hồ sơ, Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy

